

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN LÝ THỰC TẬP MỤC VỤ TẠI GIÁO XỨ THEO MÔ HÌNH CIPO: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI TỔNG GIÁO PHẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Văn Trọng⁺,
Nguyễn Thị Hải Hà

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
+ Tác giả liên hệ • Email: jos.phamtrong@gmail.com

Article history

Received: 18/02/2025

Accepted: 03/3/2025

Published: 20/4/2025

Keywords

Pastoral internship
management, Seminarian
formation, CIPO model,
Internship effectiveness,
Archdiocese of Ho Chi
Minh City

ABSTRACT

Pastoral internships in parishes play a crucial role in priestly formation, allowing seminarians to apply theological knowledge, develop pastoral skills, and cultivate moral virtues. However, challenges remain, including inconsistencies in organization, supervision, and an underdeveloped evaluation system. This study applies the CIPO model (Context - Input - Process - Output) to assess the effectiveness of pastoral internship management in the Archdiocese of Ho Chi Minh City. The findings indicate that while the internship program aligns with Church guidelines, limitations persist in self-directed learning, evaluation systems, and feedback mechanisms from parishes. Additionally, external factors such as social changes, diocesan policies, and technology impact internship effectiveness. The study recommends strengthening coordination between seminaries and parishes, improving evaluation frameworks, and enhancing the integration of technology to refine priestly training and better prepare seminarians for contemporary pastoral challenges.

1. Mở đầu

Thực tập mục vụ tại các giáo xứ giữ vai trò quan trọng trong đào tạo linh mục. Hoạt động này giúp chủng sinh áp dụng kiến thức thần học vào thực tế, rèn luyện kỹ năng mục vụ và phát triển phẩm chất đạo đức cần thiết cho sứ vụ linh mục (Paul II, 1992). Đây là giai đoạn giúp chủng sinh tiếp cận thực tế đời sống giáo xứ, hiểu được nhu cầu của cộng đoàn, đồng thời phát triển năng lực thích ứng với các thách thức mục vụ hiện đại (Bộ Giáo Sĩ, 2016). Để đạt được mục tiêu này, cần một hệ thống quản lý chặt chẽ nhằm giám sát, đánh giá và điều chỉnh quá trình thực tập; từ đó nâng cao chất lượng đào tạo linh mục (United States Conference of Catholic Bishops - USCCB, 2005).

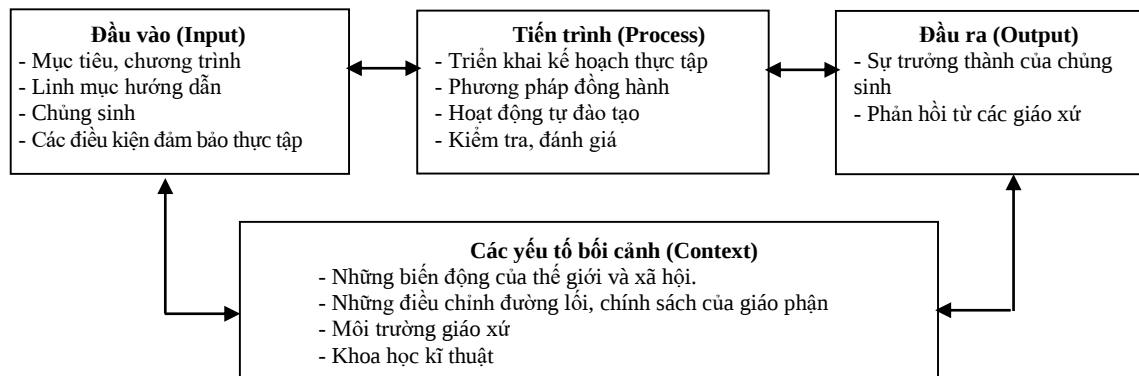
Nhiều nghiên cứu đã đề cập đến quản lý thực tập mục vụ trong Giáo hội Công giáo ở cả Việt Nam và quốc tế. Các công trình tiêu biểu trên thế giới bao gồm *Program of Priestly Formation (Chương trình đào tạo linh mục)* của USCCB (2005), *An Assessment Workbook for Roman Catholic Seminaries (Sổ tay đánh giá cho các chủng viện Công giáo La Mã)* của National Catholic Educational Association (NCEA) và Association of Theological Schools (ATS) (2018), và *Preparing Seminarians for Pastoral Leadership (Chuẩn bị cho các chủng sinh lãnh đạo mục vụ)* của Fischer (2018). Tại Việt Nam, có thể kể đến các công trình của Hội đồng Giám mục Việt Nam (2012), Trong (2012), Dinh (2015). Mặc dù có nhiều nghiên cứu về quản lý thực tập mục vụ, song thực tế vẫn tồn tại những hạn chế đáng kể như sự thiếu đồng bộ giữa các giáo xứ trong cách thức tổ chức và giám sát thực tập, hệ thống đánh giá chưa có tiêu chí cụ thể, mức độ hỗ trợ từ các giáo xứ không nhất quán và thiếu một mô hình đánh giá toàn diện giúp phân tích hiệu quả của quá trình thực tập mục vụ (USCCB, 2005).

Nhằm khắc phục những hạn chế trên, nghiên cứu này ứng dụng mô hình CIPO (Context - Input - Process - Output) để đánh giá hiệu quả quản lý thực tập mục vụ của chủng sinh tại các giáo xứ thuộc Tổng giáo phận TP. Hồ Chí Minh. Mô hình CIPO được phát triển bởi Scheerens (1990) và được UNESCO giới thiệu vào năm 2000 (Scheerens, 1990). Mô hình CIPO phân tích 04 yếu tố chính trong quản lý thực tập mục vụ: *bối cảnh thực tập* (context), *nguồn lực khởi đầu* (input), *quy trình triển khai* (process) và *kết quả đạt được* (output). Qua đó, các nhà quản lý có thể xác định những yếu tố ảnh hưởng đến sự trưởng thành toàn diện của chủng sinh theo bốn chiều kích: nhân bản, tâm linh, trí thức và mục vụ. Việc ứng dụng mô hình CIPO không chỉ giúp đánh giá thực trạng quản lý thực tập mục vụ, mà còn cung cấp cơ sở khoa học để cải thiện chương trình đào tạo linh mục, đảm bảo chủng sinh được chuẩn bị tốt nhất cho sứ vụ linh mục trong bối cảnh mục vụ hiện đại.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Ứng dụng mô hình CIPO trong việc quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ

Nội dung quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ và đánh giá tính hiệu quả của nội dung dựa trên mô hình CIPO được triển khai theo sơ đồ sau:



Biểu đồ 1. Ứng dụng mô hình CIPO trong việc quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ

2.1.1. Quản lý các yếu tố đầu vào (Input)

Quản lý các yếu tố đầu vào là bước quan trọng để đảm bảo chất lượng thực tập mục vụ, giúp chủng sinh có sự chuẩn bị tốt trước khi thực tập tại giáo xứ (Cheng, 2019). Việc quản lý này bao gồm chương trình đào tạo, linh mục hướng dẫn, chủng sinh thực tập và điều kiện thực tập, đảm bảo sự kết nối chặt chẽ giữa đào tạo tại chủng viện và thực tiễn mục vụ (Bộ Giáo Sĩ, 2016). Cụ thể:

- *Quản lý mục tiêu, chương trình đào tạo:* Xác định mục tiêu thực tập rõ ràng và đảm bảo chương trình đào tạo phù hợp với thực tế mục vụ tại giáo xứ là yếu tố then chốt giúp chủng sinh chuẩn bị vững vàng trước khi bước vào thực tập (Bộ Giáo Sĩ, 2016). Chương trình đào tạo phải tuân thủ Ratio Fundamentalis và đảm bảo đào luyện toàn diện về nhân bản, thiêng liêng, tri thức và mục vụ (Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, 2012). Đồng thời, chương trình cần liên kết chặt chẽ với thực tiễn tại giáo xứ, giúp chủng sinh có cơ hội áp dụng lý thuyết vào thực tế (Cheng, 2019).

- *Quản lý linh mục hướng dẫn:* Linh mục hướng dẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đồng hành, hướng dẫn và hỗ trợ chủng sinh trong thực tập (Fitzpatrick et al., 2011). Một linh mục hướng dẫn được đào tạo tốt về kỹ năng đồng hành sẽ giúp chủng sinh áp dụng hiệu quả các kiến thức mục vụ vào thực tế (Bộ Giáo Sĩ, 2016). Theo Stufflebeam (2017), việc đảm bảo linh mục hướng dẫn có kế hoạch hỗ trợ rõ ràng và duy trì trao đổi thường xuyên với chủng viện giúp tạo nên sự thống nhất trong đào tạo.

- *Quản lý chủng sinh thực tập:* Hệ thống theo dõi, đánh giá và hỗ trợ chủng sinh trong quá trình thực tập giúp điều chỉnh phương pháp đào tạo để phù hợp với năng lực và định hướng sự vụ (Scheerens, 2015). Việc theo dõi liên tục giúp nhận diện những khó khăn mà chủng sinh gặp phải, từ đó có biện pháp hỗ trợ kịp thời (Cozzens, 2000). Thêm vào đó, Cheng (2019) nhấn mạnh rằng hệ thống quản lý chủng sinh hiệu quả cần có các công cụ đánh giá định kỳ, phản hồi hai chiều và cơ chế hỗ trợ để đảm bảo quá trình thực tập đạt được kết quả cao nhất.

- *Quản lý các điều kiện đảm bảo thực tập:* Cơ sở vật chất và các điều kiện thực tập ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thực tập mục vụ vì nó giúp chủng sinh thực hiện nhiệm vụ cách hiệu quả (Scheerens, 2015). Stufflebeam (2017) nhấn mạnh rằng một hệ thống quản lý cơ sở vật chất chặt chẽ sẽ giúp tối ưu hóa chất lượng đào tạo và đảm bảo môi trường thực tập tốt nhất cho chủng sinh. Nếu không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về cơ sở vật chất và môi trường làm việc, thực tập mục vụ có thể gặp nhiều khó khăn và hạn chế.

2.1.2 Quản lý các yếu tố của tiến trình (Process)

Quản lý tiến trình thực tập là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo các hoạt động thực tập diễn ra hiệu quả, đúng kế hoạch và đạt được mục tiêu đào tạo (Bộ Giáo Sĩ, 2016). Quá trình này bao gồm triển khai kế hoạch thực tập, đồng hành với chủng sinh, quản lý việc tự đào tạo của chủng sinh và kiểm tra, đánh giá. Sự phối hợp giữa chủng viện, giáo xứ và linh mục hướng dẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính thống nhất và chất lượng thực tập mục vụ (Cheng, 2019). Cụ thể:

- *Quản lý triển khai kế hoạch thực tập:* Việc xây dựng kế hoạch thực tập cụ thể theo từng giai đoạn giúp chủng sinh có định hướng rõ ràng và thực tập một cách hệ thống (Stufflebeam, 2017). Kế hoạch thực tập phải phù hợp với

nhu cầu của giáo xứ và mục tiêu đào tạo của chủng viện, đồng thời đảm bảo sự phối hợp giữa các bên liên quan để thực tập diễn ra thuận lợi (Cheng, 2019).

- *Quản lý đồng hành với chủng sinh*: Sự đồng hành giữa linh mục hướng dẫn và chủng sinh đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ, động viên và định hướng chủng sinh trong quá trình thực tập (Fitzpatrick et al., 2011). Việc thiết lập cơ chế đồng hành chặt chẽ giúp chủng sinh dễ dàng thích nghi với môi trường giáo xứ và phát triển kỹ năng mục vụ (Bộ Giáo Sĩ, 2016).

- *Quản lý chủng sinh tự đào tạo năng lực thực tập*: Chủng sinh cần có ý thức tự học hỏi, nghiên cứu và phát triển kỹ năng mục vụ để nâng cao hiệu quả thực tập (Scheerens, 2015). Quản lý quá trình tự đào tạo giúp chủng sinh chủ động hơn trong thực tập, đồng thời phát triển tư duy phản biện và khả năng thích ứng với các tình huống mục vụ thực tế (Cozzens, 2000).

- *Quản lý kiểm tra, đánh giá*: Xây dựng hệ thống đánh giá toàn diện, bao gồm đánh giá từ linh mục hướng dẫn, giáo dân và tự đánh giá của chủng sinh, giúp điều chỉnh chương trình thực tập phù hợp hơn (Cheng, 2019). Hệ thống đánh giá cần đảm bảo tính khách quan, minh bạch và có giá trị cải tiến thực tế (Stufflebeam, 2017).

2.1.3. Quản lý các yếu tố đầu ra (Output)

Quản lý đầu ra giúp đảm bảo thực tập mang lại những kết quả tích cực và có thể đo lường được, đồng thời giúp điều chỉnh chương trình đào tạo để phù hợp hơn với thực tiễn mục vụ (Bộ Giáo Sĩ, 2016). Việc quản lý này bao gồm đánh giá sự trưởng thành của chủng sinh và tiếp nhận phản hồi từ giáo xứ thực tập, giúp cải thiện chất lượng đào tạo linh mục (Cheng, 2019). Cụ thể:

- *Quản lý sự trưởng thành của chủng sinh*: Thực tập mục vụ không chỉ giúp chủng sinh rèn luyện kỹ năng thực tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện về nhân bản, thiêng liêng, tri thức và mục vụ (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2012). Đánh giá quá trình trưởng thành của chủng sinh giúp xác định những lĩnh vực cần cải thiện, từ đó hỗ trợ họ phát triển tốt hơn (Scheerens, 2015).

- *Quản lý tiếp nhận phản hồi từ giáo xứ thực tập*: Thu thập phản hồi từ linh mục hướng dẫn và giáo dân giúp đánh giá thái độ, khả năng phục vụ và hiệu quả mục vụ của chủng sinh (Cozzens, 2000). Phản hồi này không chỉ giúp xác định khó khăn của chủng sinh trong quá trình thực tập mà còn đề xuất các cải tiến cần thiết để điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của giáo xứ (Fitzpatrick et al., 2011).

2.1.4. Quản lý các yếu tố bối cảnh ảnh hưởng (Context)

Bối cảnh là những yếu tố bên ngoài có thể tác động đến việc quản lý thực tập của chủng sinh tại giáo xứ. Việc quản lý các yếu tố này giúp thích nghi với sự thay đổi của xã hội và nâng cao hiệu quả đào tạo (Bộ Giáo Sĩ, 2016). Các yếu tố bối cảnh bao gồm tác động từ xã hội, chính sách Giáo hội, môi trường giáo xứ và sự phát triển khoa học kỹ thuật, tất cả đều ảnh hưởng đến quá trình thực tập của chủng sinh (Cheng, 2019). Cụ thể

Quản lý tác động từ những biến động của xã hội và thế giới: Theo dõi và phân tích những thay đổi trong xã hội và thế giới giúp chủng sinh thích ứng với bối cảnh thực tế và phát triển cách tiếp cận mục vụ phù hợp (Fitzpatrick et al., 2011). Những thay đổi trong văn hóa, chính trị, kinh tế và tôn giáo có thể ảnh hưởng đến phương thức thực hành mục vụ, do đó cần có sự định hướng rõ ràng từ chủng viện và giáo phận để chủng sinh có thể phục vụ hiệu quả trong môi trường đa dạng (Stufflebeam, 2017).

Quản lý tác động từ chính sách và đường hướng của giáo phận: Thực tập mục vụ cần phù hợp với định hướng mục vụ của giáo phận và tuân thủ các quy định chung của Giáo hội (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2012). Xây dựng cơ chế phối hợp giữa giáo phận, chủng viện và giáo xứ giúp điều chỉnh thực tập theo những cải tiến cần thiết, đảm bảo tính thống nhất trong chương trình đào tạo (Cheng, 2019).

Quản lý tác động từ môi trường giáo xứ: Mỗi giáo xứ có đặc điểm riêng biệt như đô thị, nông thôn, số lượng giáo dân, đời sống tôn giáo, văn hóa địa phương và các yếu tố xã hội khác (Scheerens, 2015). Việc theo dõi và điều chỉnh thực tập giúp chủng sinh hiểu rõ thực tế và học cách thích nghi với từng loại hình giáo xứ (Cozzens, 2000).

Quản lý tác động từ khoa học kỹ thuật: Ứng dụng công nghệ trong hoạt động mục vụ giúp nâng cao hiệu quả thực tập và chuẩn bị cho chủng sinh tiếp cận với phương thức mục vụ hiện đại (Cheng, 2019). Những công cụ như mạng xã hội, giảng dạy giáo lý trực tuyến, quản lý giáo xứ bằng phần mềm có thể giúp chủng sinh hiểu rõ cách sử dụng công nghệ để phục vụ cộng đoàn (Stufflebeam, 2017).

2.2. Thực trạng quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo mô hình CIPO tại tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Khái quát về khảo sát:

Đối tượng khảo sát: Phiếu khảo sát được thực hiện trên 122 chủng sinh, 17 nhà quản lý, và 31 giáo xứ (linh mục hướng dẫn và giáo dân) thuộc Tổng giáo phận TP. Hồ Chí Minh.

Phương pháp và công cụ khảo sát:

(1) Khảo sát bằng bảng hỏi về thực tập mục vụ theo mô hình CIPO tại đại chủng viện thánh Giuse TP. Hồ Chí Minh và tại tổng giáo phận TP. Hồ Chí Minh. Bảng hỏi được xây dựng với thang đo Likert năm mức để phân tích các yếu tố quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO.

(2) Tổ chức phỏng vấn trao đổi xung quanh các vấn đề nghiên cứu với nhà quản lý, linh mục hướng dẫn và chủng sinh thuộc tổng giáo phận TP. Hồ chí Minh.

(3) Công cụ xử lý số liệu: Sau điều tra và xử lý các phiếu khảo sát, phần mềm SPSS được sử dụng để phân tích điểm trung bình, độ lệch chuẩn của các khách thể được khảo sát.

Thời gian khảo sát: Từ tháng 9/2024 đến tháng 02/2025.

2.2.2. Kết quả khảo sát

- Về các yếu tố đầu vào trong quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO

Biểu đồ 2 cho thấy:

+ *Về điểm trung bình (ĐTB):* Linh mục hướng dẫn - giáo dân (LMHD-GD) có ĐTB cao hơn nhà quản lý và chủng sinh, cho thấy LMHD-GD đánh giá tích cực hơn. Mục tiêu, chương trình có ĐTB cao nhất, phản ánh sự bám sát hướng dẫn của Giáo hội. Các điều kiện thực tập tại giáo xứ có mức điểm ổn định, được đánh giá khá đồng đều.

+ *Về độ lệch chuẩn (ĐLC):* nhà quản lý có ĐLC thấp nhất, thể hiện sự đồng thuận cao. LMHD-GD có ĐLC cao hơn, phản ánh quan điểm đa dạng. Chủng sinh có ĐLC cao nhất, cho thấy sự khác biệt trong trải nghiệm thực tập.

+ *Kết quả phỏng vấn chuyên sâu:* Những người được phỏng vấn đều công nhận rằng chương trình thực tập đóng vai trò quan trọng trong đào tạo chủng sinh. Đồng thời, điều kiện đảm bảo thực tập tại các giáo xứ được đánh giá là yếu tố then chốt giúp chủng sinh thích nghi với thực tế mục vụ.

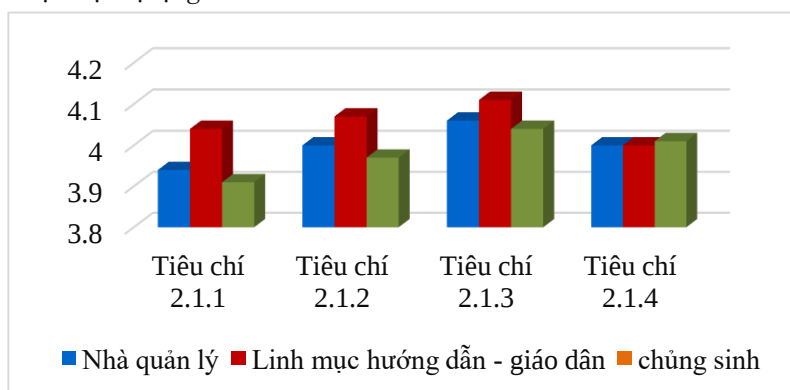
- Về các yếu tố tiến trình trong quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO

Biểu đồ 3 cho thấy:

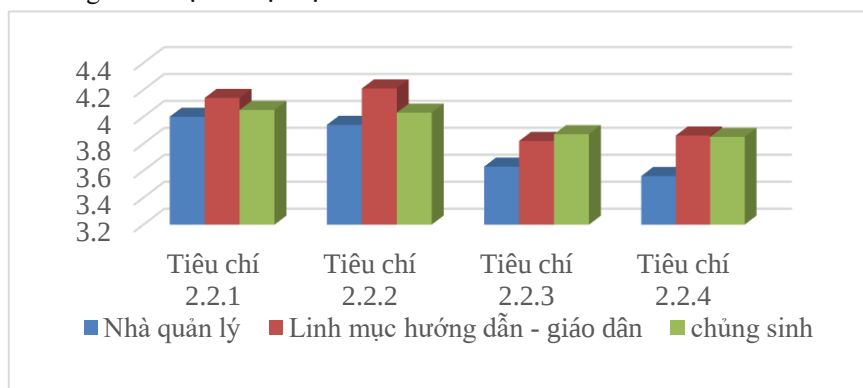
+ *Về ĐTB:* LMHD-GD có ĐTB cao hơn nhà quản lý và chủng sinh, cho thấy các linh mục hướng dẫn đánh giá tích cực hơn về quá trình thực tập. Triển khai kế hoạch có ĐTB cao nhất, phản ánh sự tổ chức bài bản và tính thực tế trong thực tập. Ngược lại, tự đào tạo năng lực thực tập và kiểm tra, đánh giá có ĐTB thấp hơn và chỉ đạt mức “Khá”, cho thấy chủng sinh còn gặp khó khăn trong việc tự học và hệ thống đánh giá chưa thực sự hiệu quả.

+ *Về ĐLC:* LMHD-GD có ĐLC thấp nhất (0.63 - 0.85), phản ánh sự đồng thuận cao trong đánh giá từ phía linh mục hướng dẫn. Nhà quản lý và chủng sinh có ĐLC cao hơn (0.67 - 0.85), cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá về hiệu quả của quá trình thực tập giữa các nhà quản lý và chủng sinh.

+ *Kết quả phỏng vấn chuyên sâu:* Các nhà quản lý được phỏng vấn đều công nhận rằng quá trình triển khai kế hoạch thực tập và đồng hành hướng dẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo chủng sinh. Tuy nhiên, khả năng



Biểu đồ 2. Các yếu tố đầu vào quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO



Biểu đồ 3. Các yếu tố tiến trình quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO

tự đào tạo của chủng sinh vẫn còn hạn chế, và hệ thống kiểm tra, đánh giá cần được cải thiện để phản ánh đúng thực tế năng lực thực tập của chủng sinh.

- Về các yếu tố đầu ra trong quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO

Biểu đồ 4 cho thấy:

+ Về ĐTB: Nhóm tiêu chí “Trưởng thành của chủng sinh” được đánh giá ở mức “Tốt” với ĐTB dao động từ 3.93 đến 4.00, cho thấy các nhóm đều đánh giá tích cực về sự phát triển của chủng sinh trong quá trình thực tập. Tuy nhiên, nhóm “tiếp nhận phản hồi từ giáo xứ thực tập” chỉ đạt mức “Khá” (3.75 đến 3.89), phản ánh rằng quá trình thu thập và xử lý phản hồi từ giáo xứ chưa thực sự hiệu quả.

+ Về ĐLC: Nhà quản lý có ĐLC cao nhất (0.82), cho thấy sự khác biệt trong quan điểm về mức độ trưởng thành của chủng sinh. Trong khi đó, LMHD-GD có ĐLC thấp nhất (0.63), thể hiện sự đồng thuận cao về việc tiếp nhận phản hồi từ giáo xứ. Chủng sinh có ĐLC trung bình (0.74 - 0.75), phản ánh sự đa dạng trong trải nghiệm cá nhân về quá trình thực tập và nhận phản hồi.

+ Kết quả phỏng vấn chuyên sâu: Những nhà quản lý được phỏng vấn đều công nhận rằng quá trình thực tập giúp chủng sinh trưởng thành về năng lực và mục vụ, nhưng việc tiếp nhận phản hồi từ giáo xứ vẫn chưa thật hiệu quả. Một số ý kiến cho rằng cần có cơ chế thu nhận phản hồi rõ ràng hơn, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo xứ và chủng viện để giúp chủng sinh cải thiện tốt hơn trong quá trình thực tập.

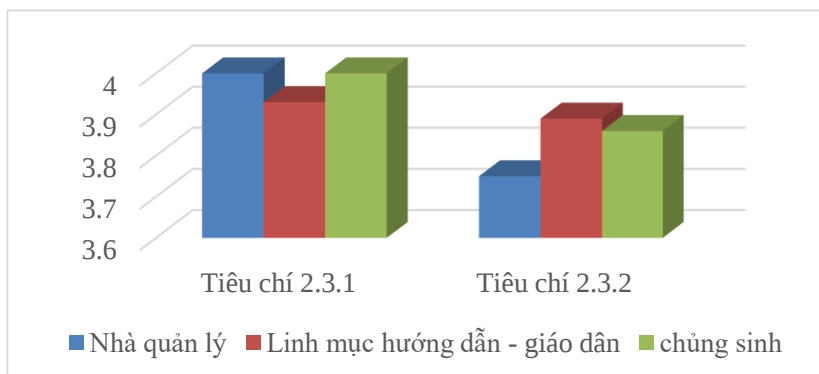
- Về các yếu tố ảnh hưởng trong quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO

Biểu đồ 5 cho thấy:

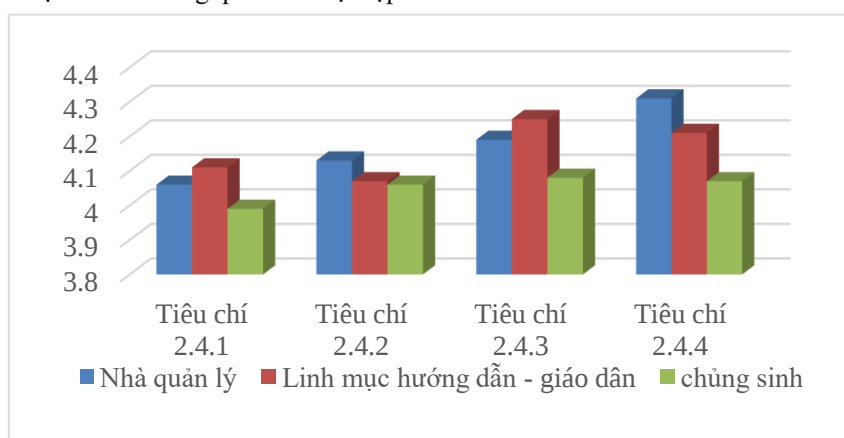
+ Về ĐTB: Tất cả các tiêu chí thuộc nhóm “Các yếu tố ảnh hưởng” đều được đánh giá ở mức “Tốt”, cho thấy các yếu tố bên ngoài có tác động tích cực đến hoạt động thực tập của chủng sinh. Trong đó, “Khoa học kỹ thuật” có ĐTB cao nhất (4.07 - 4.31), phản ánh tầm quan trọng ngày càng lớn của công nghệ trong công tác đào tạo và thực tập mục vụ. Bên cạnh đó, “Môi trường các giáo xứ” cũng đạt ĐTB cao (4.08 - 4.25), cho thấy sự hỗ trợ tốt từ các giáo xứ đối với quá trình thực tập.

+ Về ĐLC: LMHD-GD có ĐLC thấp nhất (0.65 - 0.81), thể hiện sự đồng thuận cao trong đánh giá về “Biến động từ thế giới và xã hội”, “Đường lối, chính sách giáo phận”, “Môi trường các giáo xứ” và “Khoa học kỹ thuật”. Trong khi đó, chủng sinh có ĐLC cao nhất (0.75 - 0.82), cho thấy sự khác biệt trong trải nghiệm thực tế của chủng sinh về mức độ tác động của các yếu tố này đến thực tập.

+ Kết quả phỏng vấn chuyên sâu: Những người được phỏng vấn đều đồng ý rằng các yếu tố thuộc nhóm “Các yếu tố ảnh hưởng”, bao gồm “Biến động từ thế giới và xã hội”, “Đường lối, chính sách giáo phận”, “Môi trường các giáo xứ” và “Khoa học kỹ thuật”, có tác động lớn đến chất lượng thực tập của chủng sinh. “Khoa học kỹ thuật” ngày càng có ảnh hưởng quan trọng, nhưng cần có sự hướng dẫn cụ thể hơn để chủng sinh ứng dụng hiệu quả vào công tác mục vụ. Bên cạnh đó, “Môi trường các giáo xứ” đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thực tập, nhưng cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa chủng viện và giáo xứ để tối ưu hóa quá trình đào tạo.



Biểu đồ 4. Các yếu tố đầu ra quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO



Biểu đồ 5. Các yếu tố bối cảnh ảnh hưởng quản lý thực tập mục vụ tại giáo xứ theo CIPO

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã ứng dụng mô hình CIPO để đánh giá hiệu quả quản lý thực tập mục vụ của chủng sinh tại các giáo xứ thuộc Giáo phận TP. Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy thực tập mục vụ đóng vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo linh mục khi giúp chủng sinh phát triển toàn diện theo bốn chiều kích: nhân bản, thiêng liêng, trí thức và mục vụ. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế trong tổ chức, giám sát, hệ thống đánh giá và cơ chế phản hồi từ giáo xứ. Ngoài ra, các yếu tố như biến động xã hội, chính sách giáo phận và công nghệ cũng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả thực tập. Để nâng cao chất lượng thực tập mục vụ, nghiên cứu đề xuất các giải pháp như xây dựng khung chương trình thực tập thống nhất, hoàn thiện hệ thống đánh giá với tiêu chí cụ thể, và tăng cường giám sát chặt chẽ. Đồng thời, cần đào tạo linh mục hướng dẫn về kỹ năng đồng hành, thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa chủng viện và giáo xứ, cũng như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản lý thực tập và giảng dạy. Những giải pháp này sẽ giúp tối ưu hóa quá trình thực tập và đảm bảo chủng sinh có sự chuẩn bị tốt nhất cho sứ vụ linh mục.

Hướng nghiên cứu tiếp theo sẽ tập trung vào việc mở rộng phạm vi nghiên cứu đến các giáo phận khác để có thông tin toàn diện hơn về thực trạng thực tập mục vụ. Ngoài ra, cần nghiên cứu sâu hơn về tác động của các yếu tố xã hội, văn hóa và công nghệ đối với hoạt động thực tập; từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp hơn. Cuối cùng, việc phát triển một hệ thống đánh giá thực tập toàn diện và hiệu quả hơn cũng là một hướng quan trọng để đảm bảo chất lượng đào tạo linh mục trong bối cảnh mục vụ hiện đại.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số: QS.24.17. Chúng tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo Sĩ (2016). *Hướng dẫn đào luyện linh mục: Hồng Ân On Gọi Linh Mục*. Bản dịch của Ủy Ban Giáo Sĩ & Chủng Sinh thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam (2017). NXB Tôn giáo.
- Cozzens, D. (2000). *The Changing Face of the Priesthood*. Liturgical Press, US.
- Cheng, Y. C. (2019). *School Effectiveness and School-based Management: A Mechanism for Development*. New York: Springer.
- Dinh, D. D. (2015). The Formation of Seminarians in Vietnam Context according to the Teaching of Catholic Church. *Priestly Formation in the Asian Context*. <http://stt.catholic.ac.kr/data/sttbook/1436491614247.pdf>, 93-122.
- Fischer, M. F. (2018). Preparing Seminarians for Pastoral Leadership. *Seminary Journal*, 16(3), 25-29.
- Fitzpatrick, J., Sanders, J., & Worthen, B. (2011). *Program Evaluation: Alternative Approaches and Practical Guidelines*. US: Pearson Education.
- Hội đồng Giám mục Việt Nam (2012). *Đào luyện Linh mục: Định hướng và chỉ dẫn*. NXB Tôn giáo.
- NCEA & ATS (2018). *An Assessment Workbook for Roman Catholic Seminaries*. <https://www.ats.edu/files/galleries/roman-catholic-assessment-workbook.pdf>
- Paul II, J. (1992). *Pastores Dabo Vobis: On the Formation of Priests in the Circumstances of the Present Day*. https://www.vatican.va/content/john-paul-ii/en/apost_exhortations/documents/hf_jp-ii_exh_25031992_pastores-dabo-vobis.html
- Scheerens, J. (1990). School Effectiveness and the Development of Process Indicators of School Functionin. *School Effectiveness and School Improvement*, 1(1), 61-80. <https://doi.org/10.1080/0924345900010106>
- Scheerens, J. (2000). *Improving school effectiveness*. UNESCO International Institute for Educational Planning.
- Scheerens, J. (2015). *Educational Effectiveness and Ineffectiveness*. New York: Springer.
- Stufflebeam, D. L. (2017). *The CIPP Evaluation Model: How to Evaluate for Improvement and Accountability*. New York: Guilford Press.
- Trong, P. V. (2012). *An Application of Blake and Mouton's Leadership Styles of Semianrians of Saint Joseph Major Saminary in Hochiminh City Diocese during Serving at Parish*. In Thesis, Assumption University of Thailand.
- United States Conference of Catholic Bishops (2005). *Program of Priestly Formation 5th*. <https://www.usccb.org/upload/program-priestly-formation-fifth-edition.pdf>